TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 612/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Quý
2. Bà Trần Thụy Ái Nhân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2018/TB-TLVA ngày 14 tháng 5 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngô Văn S, sinh năm 1966
Địa chỉ: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị O, sinh năm 1971
Địa chỉ: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 19 tháng 3 năm 2018 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Văn S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị O tổ chức lễ cưới và chung sống từ đầu năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Ngô Quang Đ sinh ngày 19/11/2009. Vợ chồng tạo lập tài sản chung là các vật dụng trong nhà, không có tài sản gì lớn và không có nợ chung. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị O muốn sang tên tài sản riêng của anh thành tài sản chung vợ chồng thì anh không đồng ý nên từ đó mâu thuẫn, chị O thay đổi tình

cảm với anh và bỏ nhà đi lâu lâu mới về, về vài ngày lại tiếp tục đi tiếp, mỗi lần đi vài tháng, lần dài nhất là 06 tháng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nay, về hôn nhân, anh yêu cầu ly hôn với chị O. Về con chung, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì cháu Đ từ nhỏ đã sống cùng anh nên đã quen với môi trường sống, thời gian chị O bỏ đi anh đã nuôi con, chăm lo cho con về mọi mặt và cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với cha; ngoài ra, anh đã có nhà cửa và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để chăm lo cho cháu Đ trong khi chị O không có nhà cửa và nghề nghiệp cũng không ổn định. Anh không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nợ chung thì không có.

* Tại các Bản khai ngày 31 tháng 5 năm 2018 và ngày 20 tháng 6 năm 2018 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh S về quá trình kết hôn, con chung, nợ chung và thời gian sống ly thân. Chị không thống nhất về thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tài sản chung. Thời gian vợ chồng mâu thuẫn là từ ngày 15/5/2016 nguyên nhân do chị đi về quê để dự đám giỗ mẹ chị thì anh S không cho chị dẫn con về, chỉ cho chị đi một mình, khi chị về thì anh S cho rằng chị đem tiền về nuôi cha mẹ chị nên vợ chồng mâu thuẫn với nhau từ đó. Sau khi về chung sống thì anh S thường xuyên chửi mắng về vấn đề tiền bạc và đuổi xua chị. Do không chịu đựng nổi nên chị phải bỏ nhà đi làm và sống ở nơi khác. Chị cũng có về nhưng anh S chửi mắng không cho chị vào nhà nên chị chỉ về thăm con rồi đi. Về tài sản chung, vợ chồng có tài sản chung là căn nhà diện tích không xác định được, cất trên phần đất của cha mẹ anh S cho riêng anh S, nhà tọa lạc tại ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang và các vật dụng trong nhà, 01 máy bơm nước lớn (không biết nhãn hiệu), 01 máy xịt thuốc (không biết nhãn hiệu); 15 con dê hiện không còn do anh S đã bán trong thời gian chị đi. Về nợ chung thì không có.

Nay, qua yêu cầu của anh S chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: chị đồng ý ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con vì tuy chị không có nhà ở huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nhưng hiện nay chị đang thuê nhà trọ ở xã Nhị Bình huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang sinh sống và buôn bán nên có điều kiện để nuôi con, việc cháu Đ trình bày không đồng ý ở với chị vì cháu bị áp lực từ anh S chứ thực chất mỗi khi cháu Đ gặp chị đều nói với chị cháu mong muốn được sống chung với chị. Về cấp dưỡng nuôi con, nếu chị được nuôi con thì chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, còn nếu giao con cho anh S nuôi dưỡng thì chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể

từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

[1.1] Anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị O tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống từ đầu năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 quyển số 01/2008 ngày 05/02/2008. Như vậy, anh S và chị O có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị O là hợp pháp.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất nhau như sau: Anh S và chị O chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc và nơi ở, chị O bỏ nhà đi lâu lâu mới về, về vài ngày lại tiếp tục đi tiếp, mỗi lần đi vài tháng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Xét thấy, giữa anh S và chị O đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn và thời gian sống ly thân đã lâu. Anh S và chị O cùng nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, không có khả năng hàn gắn tình cảm nên thuận tình ly hôn. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S.

[2] Về con chung:

[2.1] Anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị O thống nhất có 01 con chung tên Ngô Quang Đ sinh ngày 19/11/2009, hiện đang sống chung với anh S. Anh S và chị O cùng yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Anh S cho rằng trong thời gian chị O bỏ đi, anh S là người trực tiếp chăm lo cho sinh hoạt, học tập cho cháu Đ và anh S có nhà cửa và thu nhập ổn định để chăm lo cho cháu Đ, đồng thời cháu Đ cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh S. Chị O cho rằng anh S tìm mọi cách ngăn cản không cho chị O được gặp mặt cháu Đ mỗi khi chị đến thăm con nên chị không đồng ý giao con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay chị đã thuê nhà trọ sống tại xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang để cháu Đ có điều kiện tiếp tục được đi học tại trường cũ, việc cháu Đ trình bày không đồng ý ở với chị vì cháu bị áp lực từ anh S chứ thực chất mỗi khi cháu Đ gặp chị đều nói cháu Đ mong muốn được sống chung với chị.

[2.2] Xét thấy: Cháu Đ trình bày có nguyện vọng được sống chung với anh S nhưng chị O cho rằng việc cháu Đ trình bày như vậy là do bị ép buộc nhưng chị O không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Đồng

thời, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cháu Đ đều trình bày nhất quán với thái độ rất tự nhiên cháu có nguyện vọng được sống với cha vì từ trước đến nay cháu đã quen sống với cha và chưa bao giờ cháu có ý muốn được sống với mẹ. Điều này cho thấy, cháu Đ trình bày nguyện vọng của mình tự nguyện, không bị ai ép buộc. Bên cạnh đó, các đương sự đều trình bày trong thời gian được anh S nuôi dưỡng, cháu Đ đã và đang phát triển bình thường. Như vậy, anh S đã đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ trong thời gian qua. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường của cháu Đ và có xét đến nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, anh S là người được trực tiếp nuôi con, có đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị O không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Ngô Văn S phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Văn S.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Ngô Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

- Về con chung: Giao con chung tên Ngô Quang Đ sinh ngày 19/11/2009 cho anh Ngô Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị O không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Ngô Văn S phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Ngô Văn S đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008273 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND HCT;
- THADS HCT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc